

Một số vấn đề đặt ra sau ba năm thi hành Luật di sản văn hoá

TS. ĐẶNG VĂN BÀI*

1- Luật di sản văn hoá Việt Nam trong xu thế phát triển chung của toàn thế giới.

Liên hợp quốc đã xác định mục tiêu bao trùm mà nhân loại phải tiếp tục phấn đấu trong thế kỷ mới vẫn là “xoá đói giảm nghèo và phát triển bền vững”. Tiêu chí đánh giá phát triển bền vững là: Phát triển hướng tới dân chủ và công bằng trong xã hội, không nói rộng, ngược lại, phải thu hẹp sự cách biệt về thu nhập và mức hưởng thụ văn hoá giữa người giàu và người nghèo ở các vùng miền khác nhau trong từng quốc gia, giữa các nước phát triển và đang phát triển trên phạm vi toàn cầu. Phát huy, khai thác hợp lý và có hiệu quả các nguồn lực xã hội, tài nguyên thiên nhiên và môi trường phục vụ cho phát triển nhưng không được phép làm tổn thương môi trường, ngược lại, phải tìm mọi phương cách bảo tồn, bổ sung và chuyển giao cho các thế hệ tương lai có điều kiện phát huy nguồn tài nguyên đó, tiếp tục phục vụ nhu cầu phát triển bền vững của mình. Để đạt được mục tiêu lớn đó, tất cả các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển, nhất thiết phải từng bước hiện đại hoá hệ thống pháp luật phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, cần nhìn nhận Luật di sản văn hoá Việt Nam trong bối cảnh quốc tế nói trên, đồng

thời đánh giá những thành tựu đã đạt được trong những điều kiện cụ thể của đất nước chúng ta. Tất cả các bộ luật liên quan đến ngành Văn hoá-Thông tin nói chung, hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá nói riêng, đều phải phục vụ cho mục đích chung là: Huy động mọi nguồn lực xã hội để xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo đúng tinh thần nội dung Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ 5 khoá VIII. Có như vậy, văn hoá mới thực sự trở thành nền tảng tinh thần của toàn xã hội, là mục tiêu và động lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

Về vấn đề này, với nhãn quan chính trị sáng suốt và tầm tư duy chiến lược vượt trước thời đại, Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong lời mở đầu Sắc lệnh số 65 ngày 23 tháng 11 năm 1945, do Người ký ban hành đã thể hiện rõ quan điểm về vai trò, vị trí và giá trị di sản văn hoá như là một yếu tố động lực của phát triển, là “xét thấy việc bảo tồn các cổ tích trên toàn cõi Việt Nam là cần thiết cho công cuộc kiến thiết nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà”. Sắc lệnh số 65 là văn bản quy phạm pháp luật rất

* CỤC TRƯỞNG CỤC DI SẢN VĂN HÓA, BỘ VH-TT

ngắn gọn, cô đọng và xúc tích, chỉ với 256 chữ nhưng đã xác định đầy đủ ba vấn đề cốt yếu đối với sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc, là: Đối tượng điều chỉnh, cơ quan quản lý, kinh phí hoạt động. Đối tượng bảo vệ là “Đình, chùa, đền miếu hoặc những nơi thờ tự khác như cung điện, thành quách cùng lăng mộ chưa được bảo tồn”, “Bia ký, đồ vật, chiếu sắc, văn bằng, giấy má, sách vở có tính chất tôn giáo nhưng có ích cho lịch sử mà cần được bảo tồn”. Sắc lệnh còn quy định chức năng của cơ quan quản lý nhà nước là Đông Phương Bác cổ học viện có nhiệm vụ bảo tồn tất cả cổ tích trong toàn cõi Việt Nam. Đặc biệt, Sắc lệnh cũng khẳng định Bộ Tài chính, Bộ Quốc gia giáo dục, Ủy viên tài chính ở các tỉnh hàng năm phải cân đối ngân sách cho hoạt động bảo tồn cổ tích ở Việt Nam.

Gần 60 năm sau ngày Sắc lệnh số 65 về bảo tồn cổ tích ở Việt Nam được ban hành, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một lần nữa, lại trở thành quan điểm chỉ đạo cho Bộ Văn hoá - Thông tin trong việc xây dựng nội dung của Luật di sản văn hoá.

Nhưng, phải làm gì để các giá trị di sản văn hoá vật thể và phi vật thể trở thành những lực lượng vật chất thực sự cần thiết cho “công cuộc kiến thiết đất nước” và có tác dụng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ không đơn giản, khó có thể giải quyết trong một thời gian ngắn.

Chúng ta dễ dàng thống nhất rằng, khả năng mà di sản văn hoá có tác động thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trước hết được biểu hiện ở chỗ, di sản văn hoá góp phần xây dựng môi trường xã hội Việt Nam lành mạnh, có văn hoá và thực hiện chức năng giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước bằng phương thức cung cấp cho xã hội những thông tin nguyên gốc về tri thức, hiểu biết và kinh nghiệm lịch sử để chúng ta hiểu đúng quá khứ, nhận thức đúng hiện tại, định hướng đúng đến tương lai. Sau nữa, di sản văn hoá được tu bổ, tôn tạo theo đúng chuẩn mực khoa học sẽ trở thành tài nguyên du lịch, sản phẩm du lịch cung cấp loại hình dịch vụ văn hoá có sức hấp dẫn góp phần thúc đẩy phát triển du lịch - văn hoá, một ngành kinh tế mũi

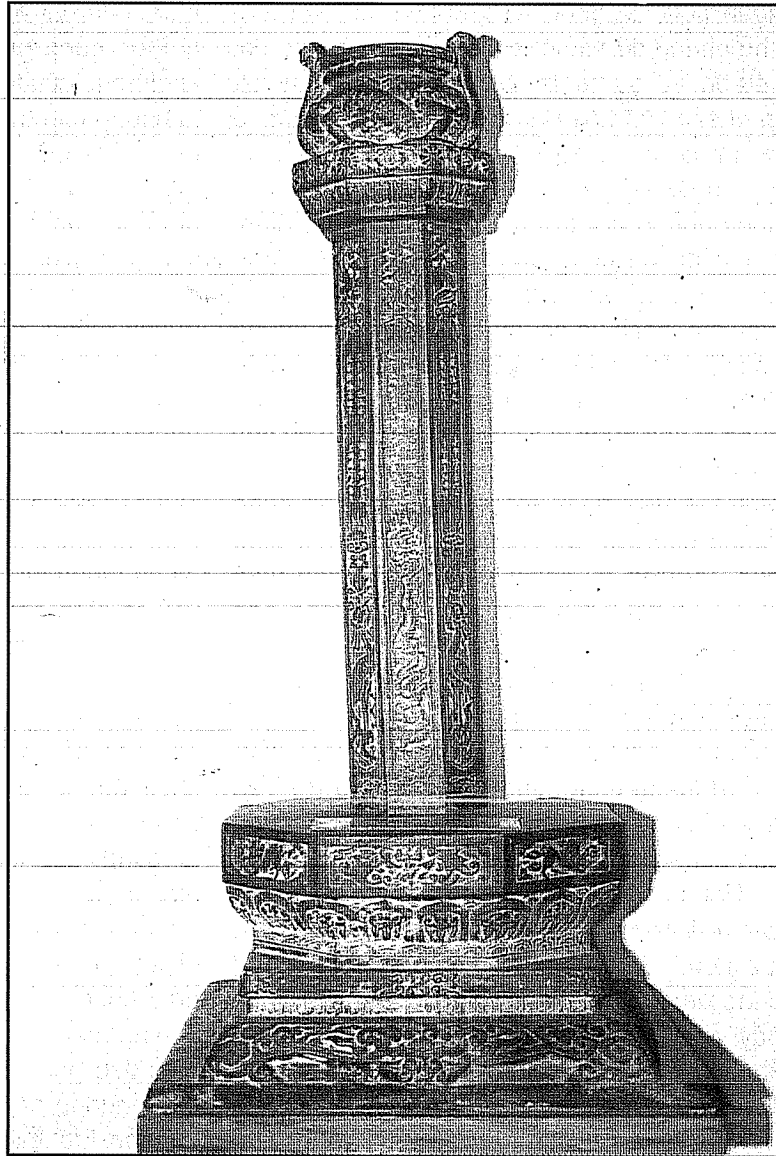
nhọn của đất nước. Vấn đề đặt ra là, cần xử lý thoả đáng những mâu thuẫn không tránh khỏi trong quá trình hội nhập và phát triển. Đó là những cặp mâu thuẫn giữa: Kinh tế và văn hoá, phát triển và bảo tồn, truyền thống và hiện đại, dân tộc và quốc tế v.v... Con đường đi tới là phải làm sao để “hiện đại hoá được yếu tố truyền thống” và “truyền thống hoá được yếu tố hiện đại”. “Hiện đại hoá yếu tố truyền thống” được hiểu là tạo cơ chế chính sách phù hợp để yếu tố truyền thống tìm được chỗ đứng, có sức sống trong đời sống xã hội đương đại và cả trong tương lai, đồng thời có khả năng thoả mãn, đáp ứng đầy đủ những nhu cầu do xã hội đặt ra. Yếu tố truyền thống phải thực sự là nhịp cầu gắn bó quá khứ, hiện tại và tương lai. Ngược lại, “truyền thống hoá yếu tố hiện đại” có nghĩa là mọi hoạt động sáng tạo các giá trị văn hoá mới nói chung, các sản phẩm văn hoá và loại hình dịch vụ văn hoá nói riêng, mang được hơi thở của thời đại, tiếp cận được yếu tố tiến bộ, thành tựu khoa học kỹ thuật của thế giới, nhưng vẫn thấm đẫm bản sắc văn hoá dân tộc, không bị lai căng, dập khuôn một cách máy móc mô hình từ nước ngoài. Các giá trị di sản văn hoá phải được bảo tồn và phát huy, phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế, thực hiện dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ và văn minh; không bao giờ chỉ đơn thuần vì mục tiêu phát triển kinh tế mà hy sinh hoặc làm phương hại tới kho tàng di sản văn hoá dân tộc. Một mặt, trong chương trình mục tiêu quốc gia về tu bổ tôn tạo, chống xuống cấp di tích, chúng ta cũng cần mạnh dạn tập trung đầu tư cho các dự án tu bổ, tôn tạo những di tích có khả năng khai thác, phục vụ du lịch (lồng ghép mục tiêu của hai chương trình quốc gia về văn hoá thông tin và du lịch) tạo nguồn thu bổ sung cho các hoạt động bảo tồn di tích. Điển hình nhất là trường hợp khu di tích địa đạo Củ Chi (thành phố Hồ Chí Minh), Cổ đô Huế (tỉnh Thừa Thiên Huế), Vịnh Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh), đô thị cổ Hội An (tỉnh Quảng Nam), Văn Miếu - Quốc Tử Giám (thành phố Hà Nội) v.v... Mặt khác, khi triển khai các dự án tu bổ, tôn tạo di tích hoặc dự án lồng ghép mục tiêu của hai chương trình quốc gia về văn hoá thông tin và du lịch, chúng ta cần tôn trọng yếu tố nguyên gốc và

cảnh quan môi trường xung quanh di tích. Nếu làm ngược lại, di tích sẽ bị biến dạng và chỉ còn là bản sao hoặc mô hình khô cứng. Các dự án như thế là không thể chấp nhận được vì chúng không phù hợp với những nguyên tắc cũng như mục tiêu phát triển bền vững.

2- Vấn đề xã hội hoá và phân cấp quản lý đối với di sản văn hoá.

Từ nhận thức trên, ngành Văn hoá-Thông tin đã tích cực, chủ động xây dựng nội dung của Luật di sản văn hoá sao cho các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về di sản văn hoá được cụ thể hoá và pháp điển hoá thông qua các điều khoản quy định của Luật. Đặc biệt là sau khi Luật di sản văn hoá có hiệu lực thi hành (từ tháng 1/2002), Lãnh đạo Bộ Văn hoá - Thông tin đã chỉ đạo các cơ quan tham mưu của Bộ tăng cường các biện pháp quản lý nhà nước để những nội dung cơ bản của Luật được thực thi có hiệu quả trong đời sống xã hội.

Hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật đã được Chính phủ và Bộ Văn hoá - Thông tin ban hành: Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hoá; Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ cổ vật trong di tích và ngăn chặn việc đào bới, trục vớt trái phép di chỉ khảo cổ; Quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh; Quy chế tổ chức và hoạt động của bảo tàng tư nhân; Thông tư quy định trình tự và thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; Định mức dự toán bảo



Trụ đồng, TK XVII, hiện vật Bảo tàng Nam Định- Ảnh: Quang Vinh

quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh... Tiếp đó, trong năm 2004, Bộ Văn hoá - Thông tin đã trình Thủ tướng Chính phủ hai văn bản quan trọng là: Nghị định bảo vệ và quản lý di sản văn hoá dưới nước và Quy hoạch tổng thể hệ thống bảo tàng Việt Nam đến năm 2020.

Các văn bản quy phạm pháp luật trên đây đều được biên soạn theo định hướng chung là: Tạo ra những cơ chế phù hợp để thực hiện chủ trương "xã hội hoá các hoạt động bảo vệ và phát huy di sản văn hoá", mà thực chất là tạo điều kiện thuận lợi cho mọi công dân tiếp cận và hưởng thụ các giá trị văn hoá tiêu biểu (vật thể và phi vật thể), trên cơ sở đó, động

viên, khích lệ họ sáng tạo những giá trị văn hoá mới, bổ sung, làm giàu thêm kho tàng di sản văn hoá dân tộc, đồng thời huy động sự đóng góp về trí tuệ, sức lao động và kinh phí cần thiết cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá.

Trước hết, trong Luật di sản văn hoá, lần đầu tiên Nhà nước công khai thừa nhận và bảo hộ nhiều hình thức sở hữu khác nhau đối với di sản văn hoá, trong đó có hình thức sở hữu tư nhân (Điều 5). Luật cũng quy định rất cụ thể các quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu đối với di sản văn hoá, đồng thời nói rõ những điều được làm, những hành vi bị nghiêm cấm (Điều 13). Những quy định đó có ý nghĩa quan trọng vì nó tạo ra hành lang pháp lý rộng mở cho các tổ chức, cá nhân có thể chủ động tham gia tất cả các hoạt động bảo vệ và phát huy di sản văn hoá mà Luật di sản văn hoá không cấm. Bên cạnh đó, Nhà nước còn có cơ chế hỗ trợ và khen thưởng dưới nhiều hình thức cho các tổ chức, cá nhân có những đóng góp xuất sắc, đồng thời xử lý nghiêm khắc những người có hành vi sai trái, gây tổn hại tới giá trị di sản văn hoá (Chương VI). Đây là những bước đi quan trọng tạo ra "sân chơi" bình đẳng để thực thi nguyên tắc dân chủ trong lĩnh vực di sản văn hoá. Luật di sản văn hoá cũng quy định những điều kiện cần thiết cho việc xây dựng các bảo tàng tư nhân. Điều 53 của Luật còn "cởi mở" hơn: "Nhà nước khuyến khích chủ sở hữu tổ chức trưng bày, giới thiệu rộng rãi sưu tập, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc sở hữu của mình...". Việc hình thành các "câu lạc bộ cổ vật" Thăng Long (Hà Nội), Thanh Hoá, Thiên Trường (Nam Định) và hàng loạt các đợt triển lãm cổ vật được Bảo tàng Lịch sử Việt Nam và các bảo tàng tỉnh, thành phố phối hợp với các nhà sưu tầm cổ vật tổ chức trong thời gian gần đây ở Hà Nội, Vĩnh Phúc, Nam Định, Thanh Hoá, thành phố Hồ Chí Minh đã chứng tỏ khả năng huy động sự ủng hộ của các chủ sở hữu tư nhân là rất khả quan. Hiện tượng các nhà sưu tập tự nguyện hiến tặng một số sưu tập cổ vật thuộc sở hữu của mình cho các bảo tàng nhà nước chính là những minh chứng cho tính hữu ích thực tiễn của Luật di sản văn hoá. Trường hợp điển hình như: Bộ sưu tập cổ vật của cụ Vương

Hồng Sển, các bộ sưu tập tài liệu hiện vật về âm nhạc của giáo sư Trần Văn Khê tặng cho thành phố Hồ Chí Minh; các tác phẩm của nhà điêu khắc Điềm Phùng Thị tặng cho tỉnh Thừa Thiên Huế thực sự là cơ sở khoa học cho việc hình thành các bảo tàng tư nhân thật hấp dẫn. Đó là những hiện tượng xã hội mới, xuất hiện sau khi Luật di sản văn hoá có hiệu lực kể từ tháng 1 năm 2002.

Thực tế nêu trên đã khẳng định, trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước không nên và không thể làm thay cho tư nhân. Nhà nước có nhiệm vụ quản lý, điều hành xã hội bằng pháp luật và chỉ làm những gì chắc chắn là tốt hơn và có hiệu quả hơn tư nhân. Những mặt hoạt động khác (cả trong kinh tế lẫn văn hoá) nếu tư nhân làm tốt hơn thì Nhà nước nên hướng dẫn và tạo cơ chế thích hợp cho họ thực hiện. Theo đó, là thực hiện việc phân cấp rộng rãi và cụ thể cho các cấp chính quyền ở tỉnh, thành phố, huyện, quận, xã, phường và cộng đồng cư dân địa phương. Bộ Văn hoá - Thông tin sẽ chỉ đạo ở tầm vĩ mô và chỉ "nắm" những vấn đề đòi hỏi tính chuyên môn nghiệp vụ phức tạp, còn các mặt hoạt động cụ thể nên phân cấp để tăng cường ý thức trách nhiệm của địa phương trong việc bảo vệ, giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hoá. Câu hỏi cần giải đáp ở đây là: Nhà nước có thực sự kiểm soát và "nắm" được những cái cần nắm, dám "buông" những cái cần buông cho mọi tầng lớp cư dân trong xã hội cùng thực hiện hay không? Theo chúng tôi, muốn triển khai tốt việc phân cấp quản lý di sản văn hoá cần thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc sau đây:

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước theo hướng không ngừng bổ sung, hoàn thiện, tiến tới hiện đại hoá hệ thống các văn bản pháp luật về lĩnh vực di sản văn hoá; tạo cơ sở pháp lý cho việc phân cấp quản lý;

- Chủ động xây dựng các quy hoạch, kế hoạch ngắn hạn và dài hạn, các dự án, thiết kế tu bổ, tôn tạo di tích trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, làm cơ sở khoa học cho việc thực hiện phân cấp quản lý;

- Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý ở các cấp, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có năng lực chuyên môn cao,

đủ khả năng tổ chức thực hiện tốt nội dung, ý tưởng quy hoạch kế hoạch và dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Các cơ quan quản lý nhà nước, các thiết chế văn hoá thuộc sở hữu nhà nước phải xây dựng các chuẩn mực quốc gia hướng dẫn cho xã hội;

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện để biểu dương những gương tốt, kịp thời uốn nắn sai sót, ngăn chặn những sai phạm.

Nếu chưa hội tụ đầy đủ các điều kiện nói trên mà vẫn quyết định phân cấp ồ ạt, phân cấp toàn diện cho địa phương thì nhất định sẽ không tránh khỏi những sai sót đáng tiếc và những hậu quả khôn lường. Việc xử lý thoả đáng vấn đề thực tiễn có tính cấp bách nói trên cũng có nghĩa là chúng ta sẽ thực hiện tốt nguyên tắc dân chủ trong lĩnh vực quản lý di sản văn hoá.

Các điều khoản quy định trong Luật di sản văn hoá liên quan tới các hoạt động hợp tác quốc tế về di sản văn hoá đã có những đổi mới vượt bậc, tạo tiền đề cho việc tăng cường giao lưu văn hoá, hợp tác hữu nghị và hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc. Lần đầu tiên, Chính phủ cho phép đưa cổ vật ra nước ngoài triển lãm, mà kết quả to lớn nhất được thể hiện qua các cuộc triển lãm của Bảo tàng Dân tộc học (tổ chức ở Mỹ) và 13 bảo tàng khác (tổ chức ở Bỉ và Áo, trong hai năm 2003 - 2004). Sắp tới, Bộ Văn hoá - Thông tin cũng sẽ hợp tác với hội Á Châu của Mỹ và Bảo tàng Ghimê (Pháp) tiếp tục tổ chức các cuộc triển lãm giới thiệu về mỹ thuật cổ truyền Việt Nam... Các hoạt động giao lưu văn hoá cởi mở và thiết thực như vậy đã thực sự góp phần hình thành nhận thức và hình ảnh về đất nước, con người Việt Nam trong bạn bè quốc tế từng bước thay đổi theo chiều hướng tích cực.

3- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao ý thức cộng đồng.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Văn hoá - Thông tin, Cục Di sản văn hoá đã chủ động phối hợp các cơ quan chức năng của Bộ Tư pháp soạn thảo Đề cương hướng dẫn nội dung Luật di sản văn hoá để phổ biến cho các địa phương, phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam xây dựng chương trình phổ biến Luật di sản văn hoá. Các địa phương

trong toàn quốc đã chủ động tổ chức các đợt tuyên truyền và các lớp tập huấn để quán triệt nội dung Luật di sản văn hoá đến tận cơ sở.

Để thực hiện có hiệu quả chủ trương xã hội hoá các hoạt động bảo tồn bảo tàng, ngày 24-4-2004, Bộ Nội vụ đã có Quyết định số 28/2004/QĐ-BNV cho phép thành lập Hội Di sản văn hoá Việt Nam - Đại hội thành lập Hội đã được tổ chức thành công ngày 26-6-2004. Tiếp theo, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 1234/QĐ-TTg, ngày 22-11-2004, thành lập Hội đồng di sản văn hoá Quốc gia - Tổ chức có nhiệm vụ tư vấn cho Thủ tướng về những vấn đề quan trọng trong lĩnh vực bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, hoạt động của các tổ chức tương tự như trên ở các nước luôn là sự hỗ trợ tích cực cho các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực di sản văn hoá.

Ngày 24-2-2005, Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải đã ký Quyết định số 36/2005/QĐ-TTg về việc lấy ngày 23 tháng 11 hàng năm là "Ngày di sản văn hoá Việt Nam", với yêu cầu:

- Giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm bảo vệ di sản văn hoá Việt Nam trong toàn dân;

- Tăng cường ý thức trách nhiệm, niềm tự hào của những người làm công tác bảo vệ, giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;

- Động viên phong trào thi đua lao động sản xuất, nâng cao kỷ luật, đạo đức cách mạng của cán bộ, công chức, viên chức trong ngành Văn hoá - Thông tin nói chung và trong lĩnh vực di sản văn hoá nói riêng;

- Biểu dương, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

Việc tổ chức Ngày di sản văn hoá Việt Nam là một sự kiện lớn của ngành Văn hoá - Thông tin trong năm 2005. Đây cũng là một hình thức tôn vinh di sản văn hoá dân tộc, có tác dụng giáo dục nâng cao ý thức cộng đồng và sẽ là cơ sở, nguồn động lực cho chúng ta thực hiện tốt nguyên tắc dân chủ và chủ

trương xã hội hoá trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy di sản văn hoá dân tộc.

Có thể khẳng định, sau ba năm thực thi Luật di sản văn hoá, chúng ta đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, mà tiêu biểu nhất, là nhận thức của toàn xã hội về ý nghĩa, giá trị của di sản văn hoá đã có những chuyển biến sâu sắc từ trung ương đến địa phương. Điều đó được biểu hiện ở quyết định sáng suốt và mang tính gương mẫu điển hình của Đảng và Nhà nước ta trong việc di dời công trình xây dựng Trung tâm Hội nghị quốc tế đến khu vực Mỹ Đình để tạo điều kiện bảo vệ khu di tích khảo cổ liên quan tới Hoàng thành Thăng Long - một di sản văn hoá quốc gia đặc biệt. Chắc chắn là quyết định đúng đắn từ cấp lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước sẽ có tác động sâu sắc tới dư luận xã hội trong cả hiện tại và tương lai. Quyết định đó đã được các chuyên gia quốc tế tham dự hội thảo về chủ đề "Bảo tồn khu di tích khảo cổ học Ba Đình", tổ chức tại Hà Nội, hết sức hoan nghênh và dư luận xã hội đồng tình ủng hộ.

Gần đây, những thông tin, các bài báo, ý kiến trao đổi trên các phương tiện thông tin đại chúng xoay quanh vấn đề những tác động tiêu cực có thể xảy ra do việc triển khai Dự án xây dựng nhà máy xử lý rác thải gần chùa Hương (thuộc huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây) và Dự án xây dựng khu khách sạn du lịch tại khu vực đồi Vọng Cảnh (thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế) cũng tạo ra những áp lực mạnh mẽ khiến các cấp chính quyền ở hai tỉnh phải thận trọng cân nhắc và xem xét lại những quyết định chưa hoàn toàn chính xác của mình.

Những dẫn dụ trên đây cho thấy, dư luận xã hội rất nhạy cảm đối với các vấn đề liên quan tới di sản văn hoá. Trước khi có Luật di

sản văn hoá, hầu như các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh chưa bao giờ công khai trên phương tiện thông tin đại chúng kiến nghị lãnh đạo tỉnh dừng triển khai dự án xây dựng đã được phê duyệt và cho phép động thổ xây dựng như trường hợp Dự án khu khách sạn du lịch tại khu vực đồi Vọng Cảnh, thành phố Huế. Điều đó, chứng tỏ trình độ dân trí và ý thức pháp luật của toàn xã hội ngày một nâng cao và sự quan tâm của công chúng đối với di sản văn hoá dân tộc đã được tăng cường. Đó cũng là thành tựu đáng ghi nhận về tính hiệu quả xã hội của Luật di sản văn hoá trong ba năm qua.

Mặc dù đã đạt được những kết quả tích cực, nhưng muốn cho nội dung Luật di sản văn hoá thực sự đi vào đời sống xã hội và có hiệu lực thực tế cao, chúng ta cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy dưới Luật theo hướng sau đây:

Một là, nhanh chóng hoàn thiện Dự án "phân cấp quản lý di sản văn hoá" trình lãnh đạo Bộ Văn hoá - Thông tin ban hành để tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực di sản văn hoá.

Hai là, cụ thể hoá những cơ chế thích hợp nhằm tạo hành lang pháp lý thông thoáng hơn nữa cho các tổ chức, cá nhân, các chủ sở hữu di sản văn hoá, các nhà sưu tập tư nhân chủ động tham gia các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá.

Ba là, triển khai trên quy mô lớn "Chương trình giáo dục di sản văn hoá" trong cộng đồng cư dân ở cơ sở, trong trường học, cho thanh niên và học sinh, giúp cho nhận thức của toàn xã hội về vai trò, vị trí và ý nghĩa của di sản văn hoá ngày càng sâu sắc và toàn diện hơn.

D.V.B

SUMMARY: ISSUES AFTER THREE YEAR IMPLEMENTATION OF CULTURAL HERITAGE LAW (DANG VAN BAI)

This article presents the overview on the implementation of Vietnam's Cultural Heritage Law three years after its promulgation on 1st January 2002. It places emphasis on "the relationship between preservation and development, the socialization of safeguarding activities and promoting values of cultural heritage, the authorization of private museums in Vietnam, etc." It also reflects practical effects of the Law when applied into every life and proposes several upcoming tasks to be accomplished in the near future.